TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.** _____

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Bà Đặng Thị Thêm;

2.2. Ông Trần Xuân Hòa.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 24/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị A, sinh năm 1978, *vắng mặt.*

Quê quán, trú tại: Thôn AB, xã AC, huyện K, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Thôn AD, xã AE, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970, *vắng mặt.*

Quê quán, HKTT, hiện trú tại: Thôn AD, xã AE, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/8/1998, *vắng mặt.*

Trú tại: Thôn AD, xã AE, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 người ở Thôn AD, xã AE, huyện K, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau vào năm 1997. Chị và anh B đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/1997. Sau khi kết hôn chị chuyển về nhà chồng chung sống và chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về địa phương xã AE cho đến nay. Tuy nhiên trong thời gian chung sống hai bên không có sự hòa hợp, xẩy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong suốt thời gian dài. Vào năm 2019 chị đã làm đơn xin giải quyết ly hôn với anh B nhưng khi đó vì con chung chưa kết hôn nên chị đã tạm dừng chưa giải quyết. Đến nay mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng căng thẳng, bản thân anh B nhiều lần đánh đập chị. Do đó nay chị xác định hai bên không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên chị làm đơn xin giải quyết ly hôn với anh B. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án chị xác định không có ý kiến gì khác nên đã có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và nhiều lần thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan nhưng chỉ có chị A có mặt, còn anh B đều vắng mặt không có lý do. Ngày 19/02/2021 Tòa án đã về gia đình anh B để làm việc, tiến hành lấy lời khai, quan điểm của anh B và anh B đã giao nộp bản tường trình và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, trong đó quan điểm của anh B về các nội dung liên quan trong vụ

án như sau: Về quan hệ hôn nhân cũng thống nhất như chị A đã trình bầy. Sau khi kết hôn hai bên chung sống tại địa phương xã AE, huyện K cho đến nay nhưng quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, xẩy ra nhiều mâu thuẫn, thời gian gần đây hai bên căng thẳng. Khi hai bên mâu thuẫn gia đình cũng đã động viên, khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Nay chị A làm đơn xin giải quyết ly hôn với anh, anh xác định hai bên không còn tình cảm nên anh cũng nhất trí ly hôn. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh đã nhiều lần nhận được thông báo của Tòa án báo đến làm việc, hòa giải nhưng do anh bận công việc riêng nên anh không đến. Nay anh xác định không có ý kiến gì khác nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

Về con chung: Chị A và anh B đều khẳng định trong thời gian hai bên chung sống đến nay có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/8/1998 và hiện cháu đã trưởng thành, đã kết hôn và có cuộc sống riêng. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi và con riêng nào khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị A và anh B đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã Phùng Hưng, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của chị A và anh B.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 – BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị Phan Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị A và anh B đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn,

cũng như quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc chị Phan Thị A và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/1997. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xảy ra nhiều bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống, dẫn tới căng thẳng trong thời gian dài. Mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên bảo nhiều nhưng vẫn không cải thiện được mối quan hệ. Đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên đều nhất trí xin được ly hôn nhau. Do đó, cần xử cho chị A được ly hôn với anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Chị A và anh B có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Minh C, sinh ngày 23/8/1998 và hiện cháu đã trưởng thành, đã kết hôn và có cuộc sống riêng. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi và có con riêng nào khác nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Chị A và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

***[4] Về án phí*:** Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***[5] Về quyền kháng cáo*:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

3. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A đã nộp theo Biên lai thu số 0002484 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Phùng Hưng;
- Chi cục THADS huyện KC;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn

- Lưu: Hồ sơ, Vp.